

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1945** /UBND-TH

V/v sửa đổi, bổ sung Quyết định
số 13/2015/QĐ-UBND ngày
07/7/2015 của UBND tỉnh

Bình Định, ngày **20** tháng 5 năm 2016

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tư pháp.

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Văn bản số 83/BC-STP ngày 18/5/2016 báo cáo thẩm định dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh ban hành Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét kiến nghị của Sở Tư pháp, thực hiện điều chỉnh, bổ sung dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh, trình UBND tỉnh trước ngày 25/5/2016, để xem xét, phê duyệt.

(Kèm dự thảo dự thảo Quyết định và Kết luận số 54/KL/TU ngày 21/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Trần Châu;
- PVPNN;
- Lưu VT, K4, K

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

Số: /2016/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2016

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 năm 11 tháng 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Trên cơ sở ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 54-KL/TU ngày 21 tháng 4 năm 2016;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 973/TTr-STNMT ngày 04 tháng 12 năm 2015, kèm báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày tháng năm 2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định (gọi tắt: Quyết định 13), cụ thể như sau:

1. Điều 34 của Quyết định 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 34. Hỗ trợ ổn định đời sống

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài; giao đất lâm nghiệp khi thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai hoặc hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp như nêu trên nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được UBND cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này); Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng

không được công nhận là đất ở) thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau đây:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Điểm a, b Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo giá gạo do Sở Tài chính thông báo. Số nhân khẩu của hộ gia đình là nhân khẩu có cuộc sống nhờ vào nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp được xác định tại thời điểm kiểm đếm lập phương án bồi thường.

d) Diện tích đất thu hồi quy định tại Điểm a, b Khoản này là diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó.

đ) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà việc thu hồi đất ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 40 của Quy định này.

2. Các trường hợp không được hỗ trợ ổn định đời sống gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, hưu trí, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân.

b) Diện tích đất trồng rừng sản xuất giao cho hộ gia đình, cá nhân sau ngày 01/12/1999 (ngày Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành) và diện tích đất trồng cây lâu năm giao cho hộ gia đình, cá nhân sau thời điểm cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993.

c) Các trường hợp được bồi thường đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 của Quy định này.”

2. Điều 36 của Quyết định 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 36. Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 và Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ; giao đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 hoặc hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp như nêu trên nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được UBND cấp xã (nơi có đất thu hồi) xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi (kể cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở) mà không có đất để bồi thường (trừ các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c Khoản 2 Điều 34 của Quy định này) thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp.

2. Trường hợp người được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này có nhu cầu đào tạo học nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề và được miễn học phí đào tạo cho một khóa học đối với các đối tượng trong độ tuổi lao động.

Mức miễn học phí đào tạo cho các đối tượng nêu trên do UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các đối tượng chuyển đổi nghề nằm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.”

3. Khoản 1 Điều 40 của Quyết định 13 được sửa đổi như sau:

“1. Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 34 của Quy định này bị thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 9 tháng.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu và số nhân khẩu của hộ gia đình được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 của quy định này.”

4. Điểm b Khoản 5 Điều 52 của Quyết định 13 được sửa đổi như sau:

“b) Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm thực hiện cưỡng chế theo phương án đã được phê duyệt; bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.”

5. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 07 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Cục KTVB-BTP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- TT Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, K7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XIX)
tại Hội nghị lần thứ 9

Trong các ngày 13 và 14 tháng 4 năm 2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 9 để xem xét và kết luận các nội dung về kinh tế - xã hội.

I - VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUÝ I VÀ NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2016

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản nhất trí nội dung Báo cáo tình hình quý I và nhiệm vụ quý II năm 2016 do Văn phòng Tỉnh ủy trình bày.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ ý kiến tham gia của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉnh sửa, hoàn chỉnh trình Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3.

II - CHO Ý KIẾN VỀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIX NHIỆM KỲ 2015 - 2020, CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC TOÀN KHÓA CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIX NHIỆM KỲ 2015 - 2020, CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC NĂM 2016 CỦA TỈNH ỦY VÀ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản nhất trí nội dung Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2015 - 2020, Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2015 - 2020, Chương trình làm việc năm 2016 của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ ý kiến tham gia của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy.

III - CHO CHỦ TRƯỞNG PHÂN BỐ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016 (NGUỒN VỐN CỦA TỈNH)

Xét đề nghị của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 78-TTr/BCS ngày 25 tháng 3 năm 2016 về việc xin chủ trương phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư phát triển năm 2016 (nguồn vốn của tỉnh), Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận:

Thông nhất chủ trương bố trí kinh phí chuẩn bị đầu tư cho công trình Đề kè chống xói lở bờ biển Tam Quan là 01 tỷ đồng từ nguồn vốn chuẩn bị đầu tư năm 2016 của tỉnh đã bố trí nhưng chưa phân bổ. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi triển khai thực hiện.

Trong đó:

- Diện tích để xác định theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Giá đất cụ thể của từng loại đất:

+ Đất xây dựng công trình: Được xác định bằng giá đất công bố nhân (x) hệ số điều chỉnh giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp quy định tại Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Đất cây xanh, sân bãi, hành lang, đường nội bộ: Được xác định bằng giá đất công bố nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định nêu trên.

Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi triển khai thực hiện.

VII - CHO CHỦ TRƯỞNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Xét đề nghị của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 38-TTr/BCS ngày 26 tháng 02 năm 2016 về chủ trương sửa đổi, bổ sung một số điều của chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận:

Thông nhất chủ trương sửa đổi, bổ sung một số điều của chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh đã được quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

Về sửa đổi, bổ sung chính sách bồi thường

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Hỗ trợ ổn định đời sống.

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài; giao đất lâm nghiệp khi thực hiện Nghị định số 02/CP ngày

15/01/1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai hoặc hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp như nêu trên nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này); hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở) thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau đây:

a. Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

b. Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

c. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Điểm a, b Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo giá gạo do Sở Tài chính thông báo. Số nhân khẩu của hộ gia đình là nhân khẩu có cuộc sống nhờ vào nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp được xác định tại thời điểm kiểm đếm lập phương án bồi thường.

d. Diện tích đất thu hồi quy định tại Điểm a, b Khoản này là diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó.

đ. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà việc thu hồi đất ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 40 của Quy định này.

2. Các trường hợp không được hỗ trợ ổn định đời sống gồm:

a. Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, hưu trí, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân.

b. Diện tích đất trồng rừng sản xuất giao cho hộ gia đình, cá nhân sau ngày 01/12/1999 (ngày Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành) và diện tích đất trồng cây lâu năm giao cho hộ gia đình, cá nhân sau thời điểm cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993.

c. Các trường hợp được bồi thường đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

VIII - CHO CHỦ TRƯỞNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH DỰ ÁN QUẦN THỂ DU LỊCH LỊCH SỬ SINH THÁI VÀ TÂM LINH TẠI KHU VỰC CHÙA LINH PHONG

Xét đề nghị của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 87-TTr/BCS ngày 31 tháng 3 năm 2016 về việc xin chủ trương điều chỉnh quy hoạch Dự án Quần thể du lịch lịch sử sinh thái và tâm linh tại Khu vực chùa Linh Phong, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận:

Thông nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch Dự án Quần thể du lịch lịch sử sinh thái và tâm linh tại Khu vực chùa Linh Phong, cụ thể:

Khu vực phía Tây tuyến đường ĐT639: Tổng diện tích dự kiến khoảng 115,04ha (tăng thêm 51,63ha so với đồ án quy hoạch đã phê duyệt là 63,41ha).

Trong đó:

+ Khu Tâm linh: Diện tích 19ha, bao gồm: Quảng trường; đường hành lễ; Khu tượng Phật; chùa Linh Phong; Khu đền thờ Tổ quốc; đền thờ danh tướng, danh nhân; thư quán và khu điều hành dịch vụ tâm linh.

+ Khu Thiền viện: Diện tích 54,74ha, bao gồm: Thiền viện Thiên Hưng; Khu mật viện; Khu Thiền thất và vườn Thiền Phật giáo.

+ Khu văn hóa Việt: Diện tích 15,6ha, bao gồm: Khu vườn tượng đài tướng; danh nhân người Bình Định; Khu tượng Quan âm; Khu tượng đài Chiến Thắng.

+ Khu cây xanh cảnh quan, bãi đỗ xe: Diện tích 25,7ha.